

PHẦN II

CÁC CÂY THUỐC - VỊ THUỐC

Bài 4

DƯỢC LIỆU CÓ TÁC DỤNG AN THẦN, GÂY NGỦ

MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm thực vật, vùng phân bố, bộ phận dùng, thu hái, thành phần hóa học chính, công dụng, cách dùng các dược liệu có tác dụng an thần gây ngủ.
2. Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế hoạt động nghề nghiệp.

NỘI DUNG

SEN

Tên khác: Liên (TQ)

Tên khoa học: *Nelumbium speciosum Willd.*

Họ: Sen (**Nelumbonaceae**)

1. Mô tả và phân bố

Cây Sen thường mọc dưới nước, nơi bùn lầy, ao hồ. Thân rễ hình trụ mọc trong bùn, chia thành khúc gọi là ngó sen. Lá có cuống dài, nhiều gai nhỏ, phiến lá hình khiên, to đường kính dài từ 50- 70cm, gân tỏa tròn, mặt trên màu lục sẫm mặt dưới nhạt. Hoa màu trắng hay đỏ hồng. Nhị hoa màu vàng và rất nhiều. Quả bế (thường gọi là hạt) chứa một hạt (thường gọi là nhân) không nội nhũ, có hai lá mầm dày màu lục sẫm.



Cây Sen được trồng khắp nơi ở nước ta, điển hình là: Hà Nam, Hưng Yên, Hà Tây, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đồng Tháp Mười, vv...

2. Bộ phận dùng, thu hái, thành phần hóa học

Cây sen có nhiều bộ phận dùng làm thuốc, đó là:

2.1. Liên Thạch (quả): Thu hái vào tháng 7-9, lấy từ các gương sen thật già tách lấy quả có vỏ tím đen, đem phơi nắng cho thật khô (cẩn không núng rãng là được) ta được Liên thạch. Khi bóc bỏ vỏ và mầm, ta được Liên nhục.

Thành phần hóa học chính của liên nhục là: tinh bột, đường, chất béo, một ít calci và phosphor, sắt...

2.2. Liên tâm (Tâm sen): Được lấy ra khi chế biến liên nhục, chọn lấy mầm chồi, phơi khô.

Thành phần hóa học có alkaloid.

2.3. Liên phòng (Gương sen): Được lấy sau khi tách hạt, cắt bỏ cuống, phơi khô.

Thành phần hóa học có protein, carbohydrat, vitamin C, tanin...

2.4. Lá sen (Liên diệp): Thu hái vào tháng 5-9, hái sau khi hoa nở, phơi khô, bỏ cuống, gấp đôi và xếp thành tập.

Thành phần hóa học có alkaloid, tanin.

2.5. Ngó sen (Liên ngẫu): Thu hái vào mùa thu, đông (tháng 8-12), đào lấy ngó, rửa sạch, phơi khô.

Thành phần hóa học có tinh bột, vitamin C...

2.6. Hoa sen (Liên hoa): Thu hái vào tháng 5-7, lấy nụ chưa nở, phơi khô. Thành phần hóa học có tanin, chất nhầy...

2.7. Liên tu (Tua nhị): Thu hái vào tháng 5-7, lấy tua nhị và bao phấn của hoa sắp nở, phơi khô trong râm.

3. Công dụng, cách dùng

3.1. Liên thạch: Theo đông y, Liên thạch có vị đắng, tính hơi lạnh; có tác dụng thanh tâm (làm nhẹ tim).

- Liên thạch được dùng chữa lỵ, cấm khẩu.
- Cách dùng: Uống với liều 5 – 10g dùng dưới dạng thuốc sắc, thuốc bột, hoặc thuốc viên.

3.2. Liên nhục: Vị ngọt, chất, tính bình; có tác dụng bổ tỳ, dưỡng tâm, thận, tàng sinh lực, săn ruột, cố tinh.

- Liên nhục được dùng chữa Tỳ hư, tiêu chảy, di mộng tinh, xích bạch đới, thần kinh suy nhược.
- Cách dùng: Uống với liều 6 - 16g dưới dạng thuốc sắc, thuốc bột hoặc thuốc viên.

Chú ý: Người nhiệt đại tiện táo bón, không được dùng.

3.3. Liên tâm: Có vị đắng, tính lạnh. Có tác dụng thanh tâm, thanh nhiệt, an thần. Dùng chữa các bệnh tâm phiền (tức ngực, đau nhói ở tim khó chịu) nôn ra máu, mất ngủ, di mộng tinh.

Cách dùng: sắc uống liều từ 1,5 - 3g.

3.4. Liên phòng: Có tác dụng tiêu ứ, cầm máu. Dùng chữa các bệnh cho phụ nữ đau bụng do ứ huyết, băng huyết, tiểu tiện ra máu.

Cách dùng: Uống 10 - 15g, dạng bột, viên hay hãm với rượu (dùng sống).

3.5. Liên diệp: Dùng chữa tiêu chảy, phù thũng, nôn ra máu và các trường hợp chảy máu khác.

Cách dùng: uống 3 - 10g dạng thuốc sắc hay bột (nếu đốt tồn tính).

3.6. Ngó sen: Dùng chữa các bệnh chảy máu như: nôn ra máu và các trường hợp chảy máu khác.

Cách dùng: uống 5 - 10g dạng thuốc sắc hay bột.

3.7. Hoa sen: Có tác dụng trừ thấp, cầm máu. Dùng chữa các trường hợp nôn ra máu; dùng ngoài chữa mụn nhọt lở loét.

Cách dùng: Uống 2,5 - 5g, dạng sắc hay sirô; dùng ngoài dán cánh hoa lên chỗ đau chữa lở ngứa.

3.7 Liên tu: Có tác dụng thanh tâm, cố thận. Dùng chữa các chứng bệnh: chảy máu, khí hư (nữ), di mộng tinh (nam), tiểu tiện nhiều lần.

Cách dùng: uống 2,5 - 5g, dạng thuốc sắc

4. Các bài thuốc có dùng Liên thạch, Liên nhục

4.1. Bài thuốc chữa ỉa chảy cấp tính

Liên Thạch	10g	Sơn thù du	3g
Bồ cốt chi	3g	Phúc bồn tử	6g
Ba kích	6g	Long cốt	2g

Tất cả nghiền thành bột mịn, làm thành viên với bột gạo, uống lúc đói với muối.

4.2. Bài thuốc chữa suy nhược, mệt mỏi, tâm thần bất an, mất ngủ, hoa mắt, váng đầu

Liên nhục	9g	Viễn chí	9g
Phục thần	9g	Cam thảo	3g
Hoàng kỳ	9g	Toan táo nhân	9g
Đảng sâm	9g	Trần bì	5g

Dùng sắc uống.

CÂY LẠC TIÊN

Tên khác : Nhãn lồng — Tây phiên liên (TQ)

Tên khoa học: Passiflora foetida L.

Họ: Lạc tiên (Passifloraceae)



1. Mô tả và phân bố

Lạc tiên là loại dây leo bằng tua cuốn, lá mọc cách, hình tim chia làm 3 thùy nhọn; toàn thân, lá có lông mềm. Hoa đơn độc, có 5 cánh màu trắng hơi phớt tím. Quả hình tròn hay hình trứng, bên ngoài được bao bởi lá bắc tồn tại (trông giống như cái đèn lồng); khi chín có màu vàng, trong chứa nhiều hạt mọng, có vị ngọt, thơm, ăn được.

Lạc tiên mọc hoang khắp nơi ở nước ta và nói chung các nước vùng nhiệt đới đều có Lạc tiên mọc.

2. Bộ phận dùng, thu hái

- Bộ phận dùng: Toàn cây (trừ gốc rễ).
- Thu hái khi lá còn xanh, mới ra hoa, cắt thành từng đoạn dài 5-10cm, phơi khô.

3. Thành phần hóa học chính

Lạc tiên có saponin, flavonoid, coumarin; Quả chín có đường, muối calci, phospho, sắt...

4. Công dụng, cách dùng

Lạc tiên có tác dụng thanh tâm, an thần, dưỡng can. Dùng chữa các bệnh như: suy nhược thần kinh, mất ngủ, kém ngủ, tim hồi hộp.

Cách dùng: Uống với liều 10 - 30g/ngày, dạng thuốc sắc, hoặc siro

CÂY VÔNG NEM

Tên khác: Hải đồng- Thích đồng (TQ)

Tên khoa học: *Erythrina variegata* L.

Họ: Đậu (*Fabaceae*)

1. Mô tả và phân bố

Vông nem thuộc loại cây thân gỗ, có thể cao tới 10 - 20m, thân có gai ngắn. Lá mọc so le vòng quanh thân; lá kép có 3 lá chét hình trứng. Hoa mọc thành chùm, màu đỏ thắm. Quả loại đậu, trong chứa 1-8 hạt hình tròn màu đỏ sẫm.

Vông nem mọc hoang và được trồng khắp nơi ở nước ta.



2. Bộ phận dùng, thu hái

Vông nem có 2 bộ phận dùng làm thuốc, đó là: Lá và vỏ thân.

- Lá được thu hái vào tháng 4 - 5, khi tiết trời khô ráo. Hái lấy lá bánh tẻ không bị sâu, cắt bỏ cuống, đem phơi nắng thật nhanh rồi hong khô trong râm.

Vỏ thân thu hái vào tháng 5, bóc lấy vỏ cây có gai, cắt thành từng mảnh dài khoảng 60cm, rộng 30cm, phơi khô.

3. Thành phần hóa học chính

Lá và vỏ Vông nem đều có chứa alcaloid, saponin.

4. Công dụng, cách dùng

4.1. Lá Vông nem có tác dụng an thần, gây ngủ, bổ máu. Dùng để chữa các bệnh như: mất ngủ, khó ngủ, máu xấu.

Cách dùng: Uống 5 - 10g/ngày, dạng thuốc sắc hay hãm hoặc dùng phối hợp với Lạc tiên ở dạng cao lỏng.

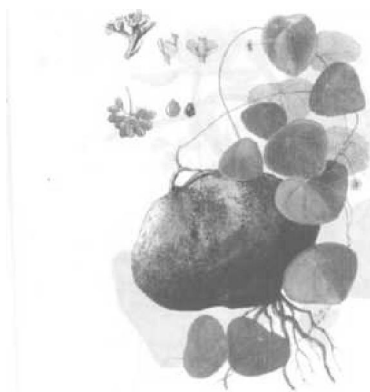
4.2. Vỏ Vông nem có tác dụng trừ phong thấp, thông kinh lạc, sát khuẩn. Cách dùng: Uống 5 - 10g/ngày, bằng cách sắc, tán thành bột hoặc ngâm rượu.

Dùng ngoài da trị ghẻ, ngứa.

CÂY BÌNH VÔI

Tên khoa học: *Stephania glabra* (Roxb.) Miers.

Họ: Tiết dê (*Menispermaceae*)



1. Mô tả và phân bố

Bình vôi thuộc loại cây dây leo, dài từ 2 - 6m. Lá mọc so le, phiến lá hình bầu dục, hình tim hoặc hơi tròn. Hoa tự tán nhỏ, đơn tính khác gốc, màu vàng cam. Quả hình cầu, khi chín có màu đỏ tươi trong chứa 1 hạt hình móng ngựa có gai. Bình vôi có phần gốc thân phát triển to thành củ, có khi nặng tới 20 - 30kg, hình dáng thay đổi tùy theo từng nơi củ phát triển. Củ Bình vôi có vỏ ngoài màu đen, khi cạo bỏ vỏ ngoài thì trong có màu xám.

Cây mọc hoang ở những vùng núi đá vôi thuộc nước ta, mọc nhiều nhất là ở Ninh Bình.

2. Bộ phận dùng, thu hái

Bộ phận dùng làm thuốc là thân củ, được thu hái quanh năm; đào lấy thân củ về, đem cạo bỏ vỏ ngoài, thái thành miếng phơi hay sấy khô.

Vị Bình vôi đã được ghi trong Dược điển Việt Nam (2002).

3. Thành phần hóa học chính

Thành phần hóa học chính của Bình vôi là alkaloid, trong đó hoạt chất chính có tác dụng là L-tetrahydropalmatin (rotundin).

4. Công dụng, cách dùng

Bình vôi có tác dụng an thần, dưỡng huyết, thanh nhiệt, giải độc, giảm đau... Được dùng để chữa các bệnh: mất ngủ, sốt nóng, nhức đầu, đau dạ dày; trị ho có đờm, hen suyễn, khó thở...

Cách dùng: Uống 3 - 6g/ngày ở dạng thuốc sắc, thuốc bột hay ngâm rượu.

Hiện nay, người ta còn dùng Bình vôi làm nguyên liệu chiết xuất rotundin để sản thuốc dưới dạng tân dược.

CÂY CÂU ĐẰNG

Tên khác: Dây móc câu - Cú giằng (Mông) ; Co nam kho (Thái); Pưc cậ (Tày)

Tên khoa học: *Uncaria rynchophylla* (Mig.) Jacks hay *Uncaria* SP.

Họ: Cà phê (*Rubiaceae*)

1. Mô tả, phân bố

Cây Câu đằng là loại cây dây leo, dài tới 7 - 8m. Lá mọc đối, phiến lá hình trứng đầu nhọn, mặt trên bóng nhẵn, mặt dưới có phần mốc, ở kẽ lá có hai móc (giống móc câu) ở hai bên đối xứng như lá. Hoa nhỏ 5 cánh màu trắng ngà, hợp lại thành hình cầu. Quả nang, trong chứa nhiều hạt.

Câu đằng mọc hoang ở các tỉnh miền núi, điển hình như: Lạng Sơn, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Hòa Bình...



2. Bộ phận dùng, thu hái

- Bộ phận dùng làm thuốc là đoạn thân có móc câu

Thu hái bằng cách cắt những đoạn thân bánh tẻ, chặt thành từng đoạn có mang móc câu dài độ 2cm, đem phơi sấy đến khô.

Vị Câu đằng đã được ghi trong Dược điển Việt Nam (2002).

3. Thành phần hóa học chính

Thành phần hóa học chính của Câu đằng là alcaloid.

4. Công dụng, cách dùng

Câu đằng có tác dụng an thần, giảm huyết áp, chống động kinh, làm dịu thần kinh và giảm đau.

Câu đằng được dùng chữa các bệnh như: Động kinh co giật do sốt cao, đau vầng đầu, bứt rứt khó chịu do huyết áp tăng.

Cách dùng: Uống 10 - 20g/ngày, dạng thuốc sắc.

Chú ý: Không sắc Câu đằng quá lâu làm giảm tác dụng.

5. Các bài thuốc có dùng Câu đằng

5.1. Bài thuốc chữa động kinh, co giật do sốt cao (do can nhiệt)

Câu đằng	12g	Thiên ma	10g
Mộc hương	2g	Tê giác	2g
Bọ cạp	4g	Cam thảo	3g

Sắc uống.

5.2. Bài thuốc chữa sài giật uốn ván

Câu đằng	18g	Rết	5 con
Thạch cao	12g	Hoàng cầm	10g
Bạch phụ tử	12g	Thiên nam tinh	6g
Thuyền thoái	45g	Tang diệp	15g
Bọ cạp	10g		

Sắc uống trong ngày.

5.3. Bài thuốc chữa tăng huyết áp do can nhiệt

Câu đằng	12g	Giun đất khô	10g
Kim ngân hoa	10g	Cúc hoa	10g
Bạc hà	5g		

Sắc uống.

THUYỀN THOÁI (XÁC VE SẦU)

1. Nguồn gốc, đặc điểm

Thuyền thoái là xác lột của các loài ve sầu đồng bằng (*Leptopsaltria tuberoaa* Sigr.) hay ve sầu núi (*Gaeana rmaculata* Drury.) thuộc họ Ve sầu (*Cicadae*).

Là xác lột của ve sầu trưởng thành, nguyên con, màu nâu nhạt, thủy phần không quá 10%, tỷ lệ vụn nát không quá 5%.

2. Công dụng, cách dùng

Thuyền thoái có tác dụng trừ phong nhiệt (cảm sốt nóng), làm cho độc sôi, đậu mọc ra. Dùng chữa các chứng bệnh: Khản mất tiếng, mắt mờ kéo màng, sỏi, đậu không mọc, trẻ bị sốt nóng kinh giật, hay khóc đêm...

3. Cách dùng: uống 2,5 - 5g/ngày, dạng thuốc sắc hay tán thành bột Bài thuốc có dùng Thuyền thoái

Bài thuốc chữa kinh phong mạn tính, kinh giật, trẻ sốt nóng, trẻ bỏ bú:

Thuyền thoái	3g	Toàn yết	1,3g
Thiên nam tinh	3g	Cam thảo	3g

Tán thành bột, thêm Sinh khương, đại táo, sắc uống

TÁO NHÂN

Tên khoa học: Semen zizyphi jujubae

1. Nguồn gốc, đặc điểm

Là nhân hạt của cây táo ta (*Zizyphus jujuba* Lamk, họ Táo ta - Rhamnaceae). Người ta thu nhặt hạt của những quả táo chín, ngâm nước, rửa sạch, phơi khô rồi xay cho vỡ vỏ hạch cứng, sàng sảy sạch và lấy nhân đem phơi khô hoặc sấy nhẹ cho khô. Ta có Táo nhân màu đỏ nâu bóng, không mùi, vị bùi.

Táo nhân đã được ghi trong Dược điển Việt Nam (2002).

2. Thành phần hóa học chính

Sơ bộ, người ta đã xác định được thành phần chính của táo nhân có: Dầu béo, tinh dầu, vitamin, saponin và có phản ứng của alcaloid.

3. Công dụng, cách dùng

Táo nhân có tác dụng an thần, giảm huyết áp và thúc đẻ. Dùng chữa các bệnh như: người yếu mệt, hồi hộp, ít ngủ, tim đập mạnh hay quên, dễ bị kích thích, hay ra mồ hôi...

Cách dùng: Uống 6 - 12g/ngày, bằng cách sao vàng rồi sắc uống hoặc sao cháy tồn tính nghiền thành bột để uống.

Chú ý: Dùng nhiều sẽ gây độc; phụ nữ có thai dùng thận trọng.

4. Bài thuốc có dùng Táo nhân

4.1. Bài thuốc chữa mất ngủ, suy nhược thần kinh, ra mồ hôi trộm, người yếu, mệt

Táo nhân (sao tồn tính)	6g	Xuyên khung	3g
Phục linh	4g	Cam thảo	3g
Tri mẫu	4g		

Sắc uống.

4.2. Bài thuốc chữa thần kinh suy nhược, hay quên, ngủ mê nhiều, biếng ăn, kém ngủ, mệt mỏi

Táo nhân (sao vàng)	12g	Viễn chí	6g
Phục linh	9g	Cam thảo	3g
Thạch xương bồ	6g	Đẳng sâm	9g

Sắc uống.

LƯỢNG GIÁ

Trả lời ngắn các câu sau bằng cách điền từ hay cụm từ thích hợp vào chỗ trống (.....):

- Cây Sen mọc ở nơi bùn lầy,
- Hoa sen có màu hay, nhị hoa màu và có rất nhiều.
- Cây Sen có các bộ phận dùng làm thuốc là:
 - Liên thạch;
 -
 - Liên phòng
 - Ngó sen;
 - ;
 - Hoa sen;
 -
- Bộ phận có tác dụng an thần, gây ngủ của cây Sen là:

A ;

B

5. Quả cây Lạc tiên có bao bọc bên ngoài trông như cái
6. Bộ phận dùng làm thuốc của Vông nem là và

Phân biệt đúng/sai các câu sau bằng cách đánh dấu vào chữ A (cho câu đúng) và chữ B (cho câu sai):

- | | |
|---|-----|
| 7. Lá cây Vông nem thuộc loại lá kép. | A-B |
| 8. Bộ phận dùng của cây Bình vôi là củ. | A-B |
| 9. Alcaloid có trong Bình vôi là Rutin | A-B |
| 10. Thuyền thoái là xác con Ve sầu phơi khô | A-B |

Chọn giải pháp đúng nhất trong các câu sau bằng cách đánh dấu vào đầu giải pháp mà bạn chọn:

11. Nguồn gốc của vị Táo nhân là:

- A. Hạt cây táo ta;
- B. Hạt cây táo tàu;
- C. Nhân hạt cây táo;
- D. Nhân hạt cây táo ta.

12. Đặc điểm của cây Câu đằng là:

- A. Lá mọc so le;
- B. Lá mọc đối;
- C. Lá mọc vòng;
- D. Tất cả đều sai.

13. Bộ phận dùng của cây Lạc tiên là:

- A. Toàn cây;
- B. Toàn cây (trừ gốc rễ);
- C. Thân và cành;
- D. Thân, cành, lá.